

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Than Cao Sơn - TKV

Ngày 15/01/2024	17,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.1%	12.7%	-

DT thuần Q4/23
1,562
tỷ VNĐ
QoQ: ▼578 -27.0%
YoY: ▼578 -27.0%

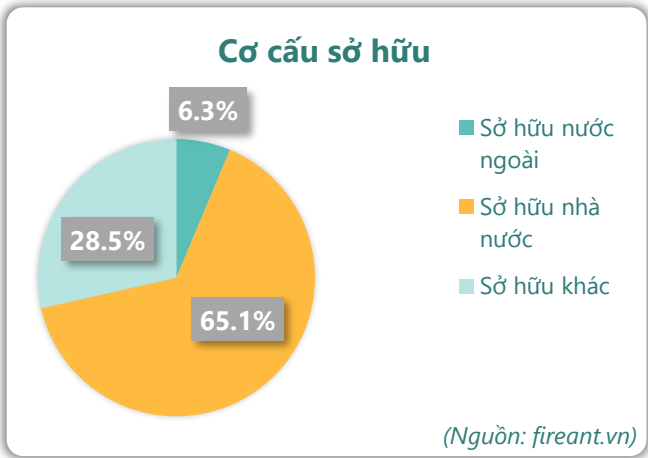
LN thuần Q4/23
226
tỷ VNĐ
QoQ: ▲190 533%
YoY: ▲29.0 14.6%

LN sau thuế Q4/23
180
tỷ VNĐ
QoQ: ▲149 480%
YoY: ▲12.0 7.1%

Tỷ lệ lãi EBIT 2023
4.9%
YoY: +/-▲ 0.4%

ROE 2023
28.0%
YoY: +/-▼ 13.5%

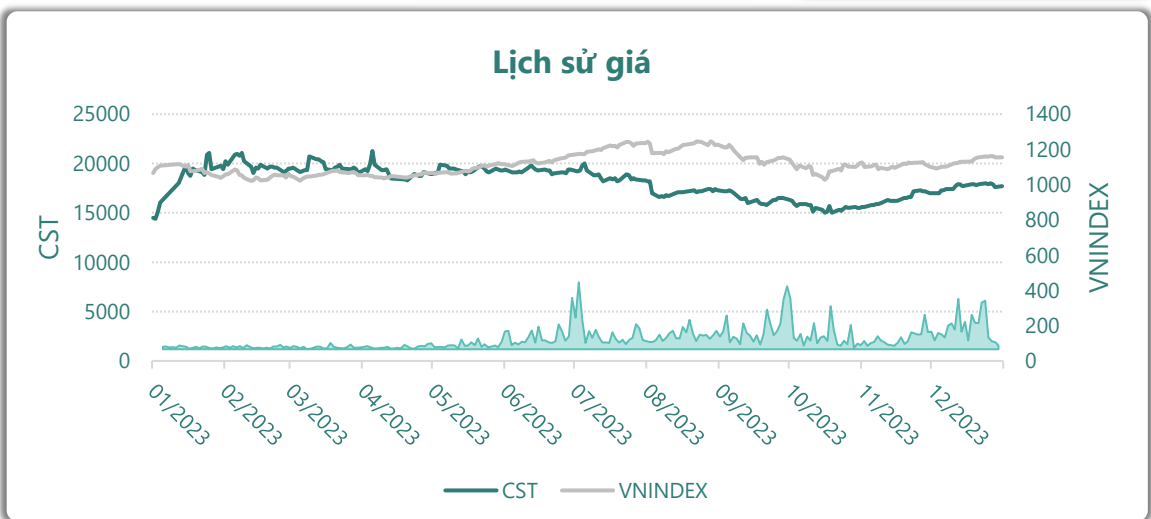
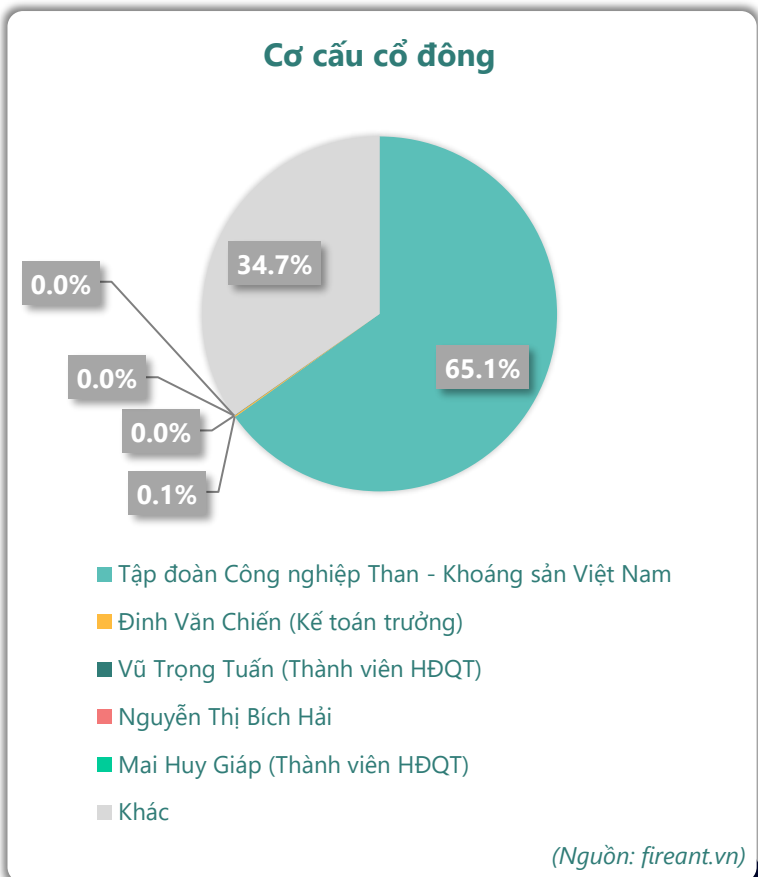
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	14,393 - 21,264
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	758
Số lượng CPLH (CP)	42,846,773
KLGD BQ 20 phiên (CP)	33,795
Sở hữu nước ngoài	6.3%
Beta	0.95
EPS	6,841
P/E	2.6



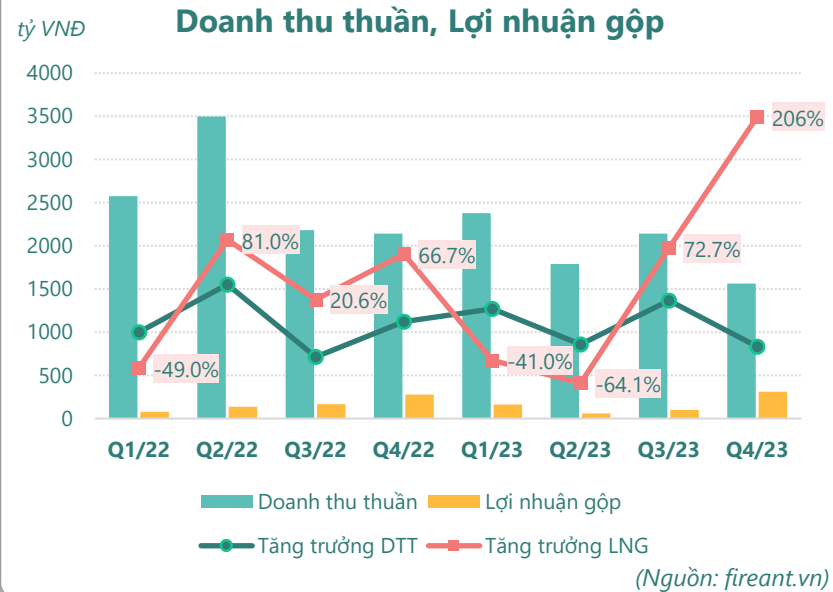
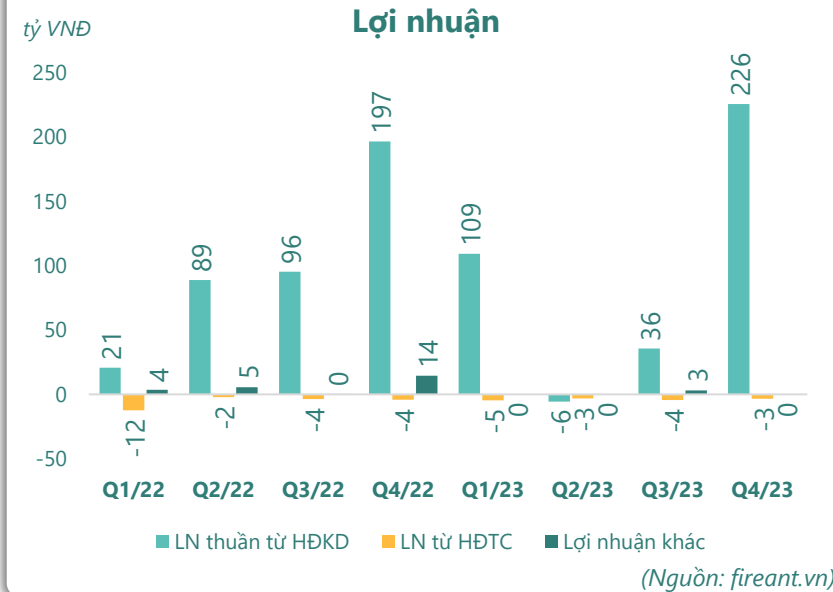
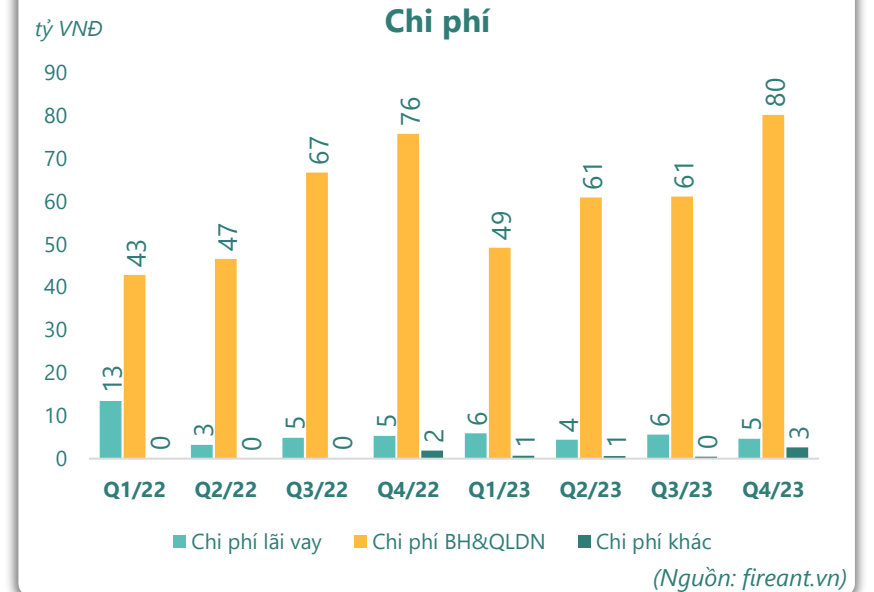
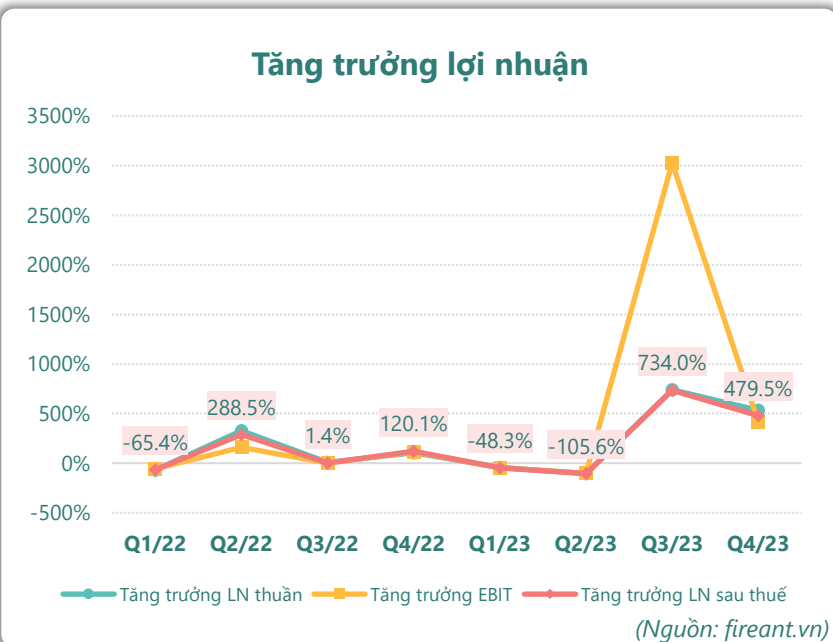
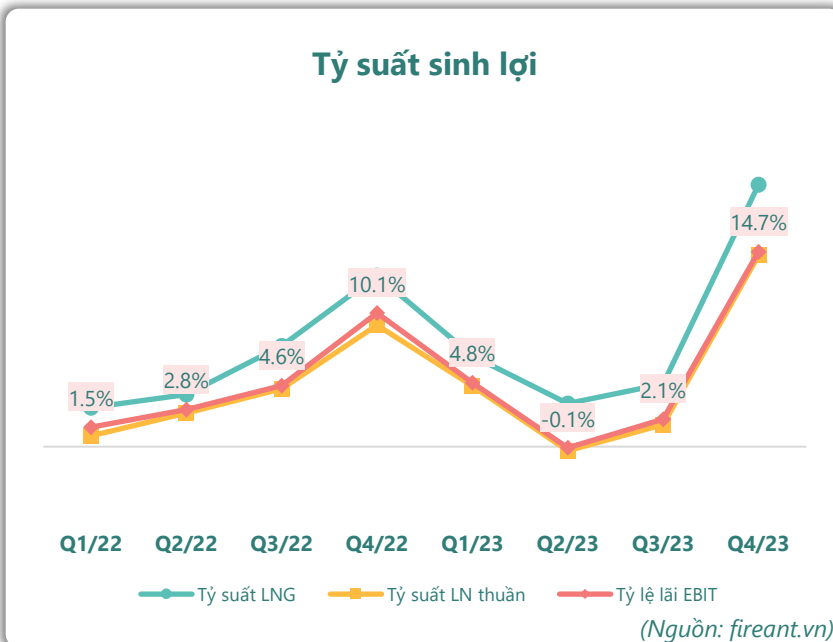
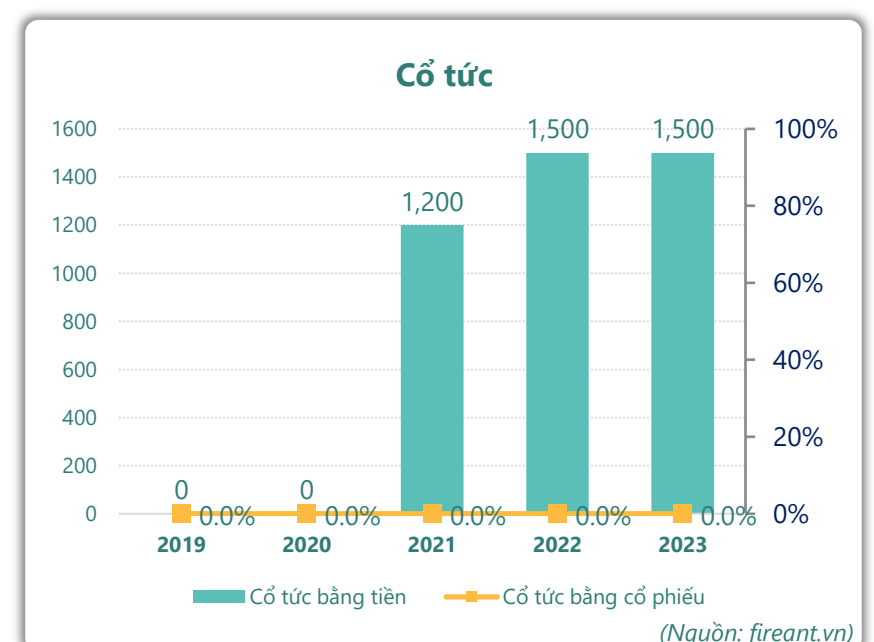
DT thuần 2023
7,868
tỷ VNĐ
YoY: ▼2,521 -24.3%

LN thuần 2023
365
tỷ VNĐ
YoY: ▼60.0 -14.0%

LN sau thuế 2023
293
tỷ VNĐ
YoY: ▼65.0 -18.2%



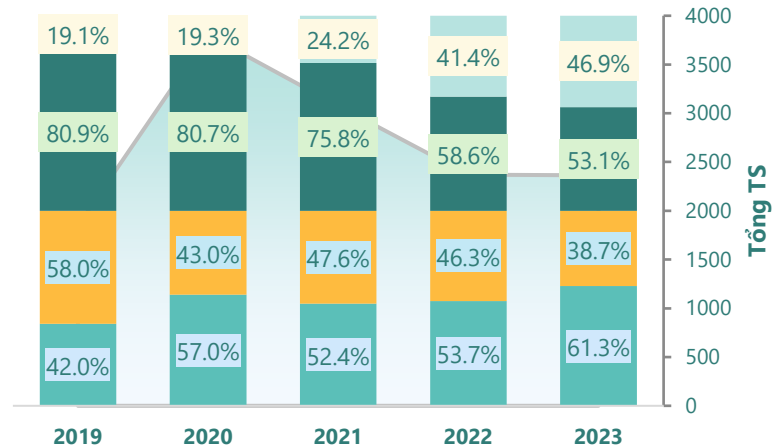
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

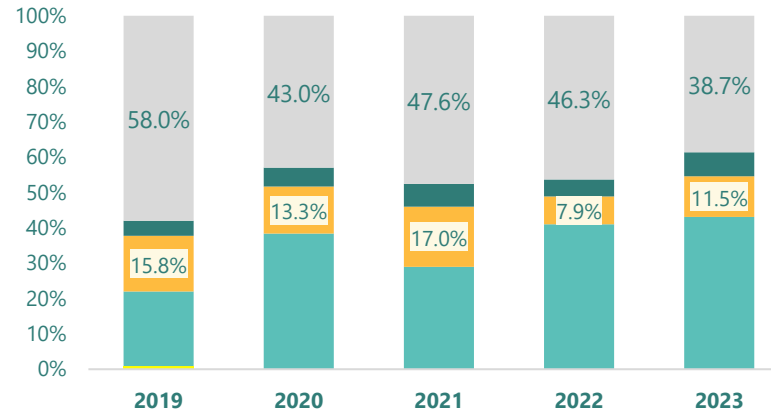
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



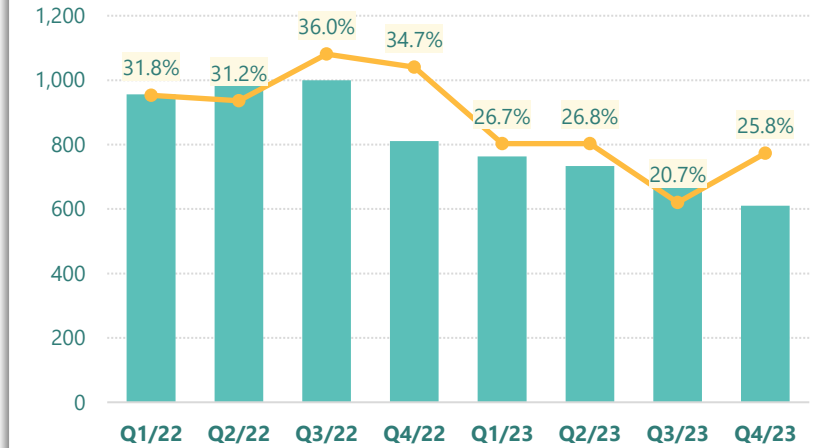
■ Tiền và tương đương tiền ■ Đầu tư tài chính ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn

■ Hàng tồn kho ■ Tài sản ngắn hạn khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

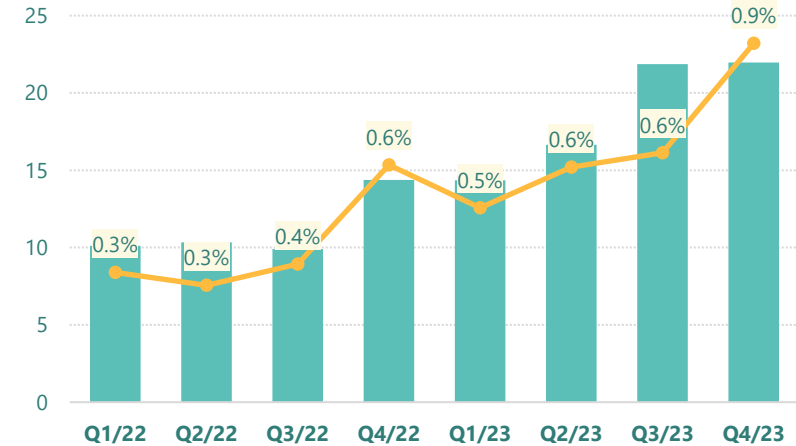


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

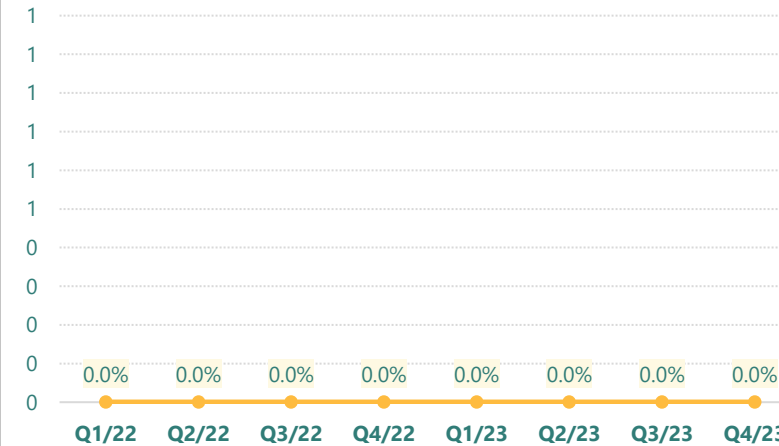


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

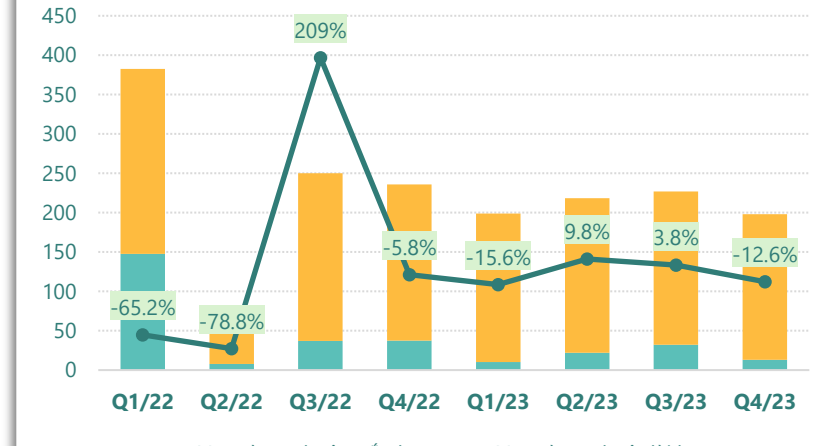


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

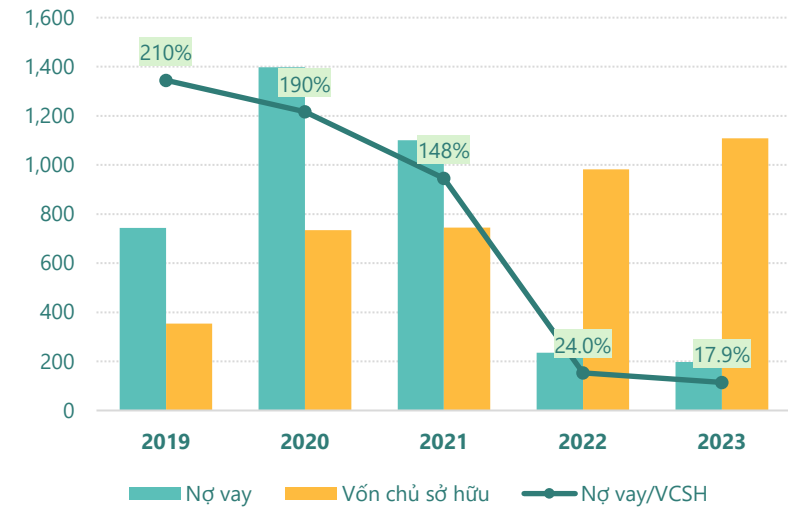
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

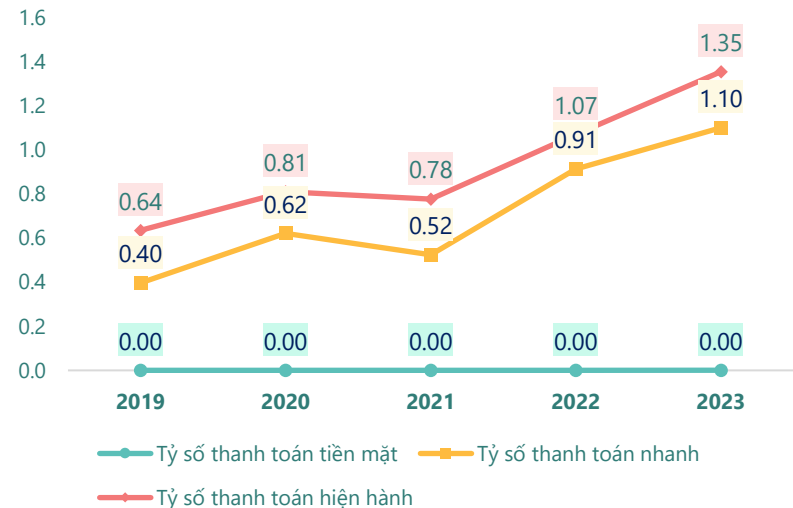
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



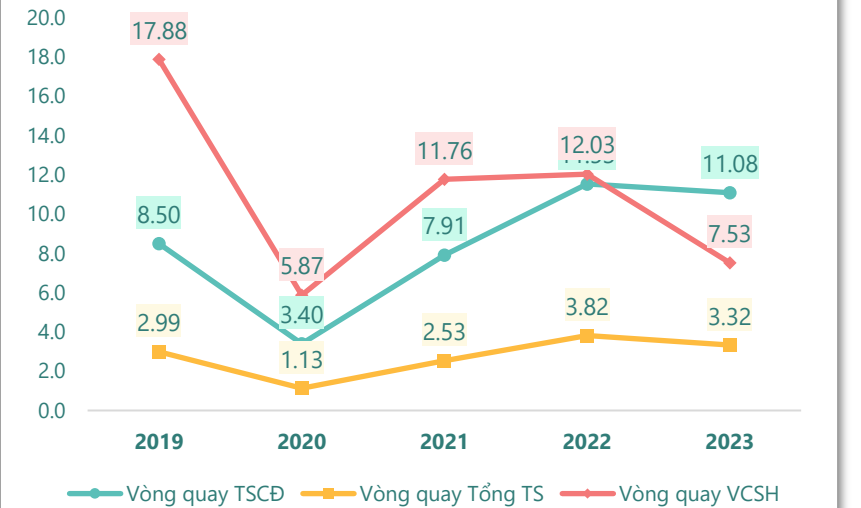
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



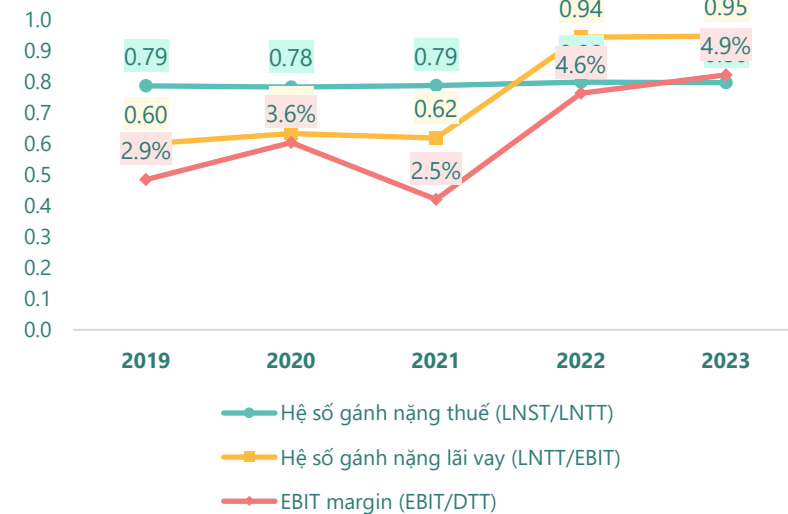
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



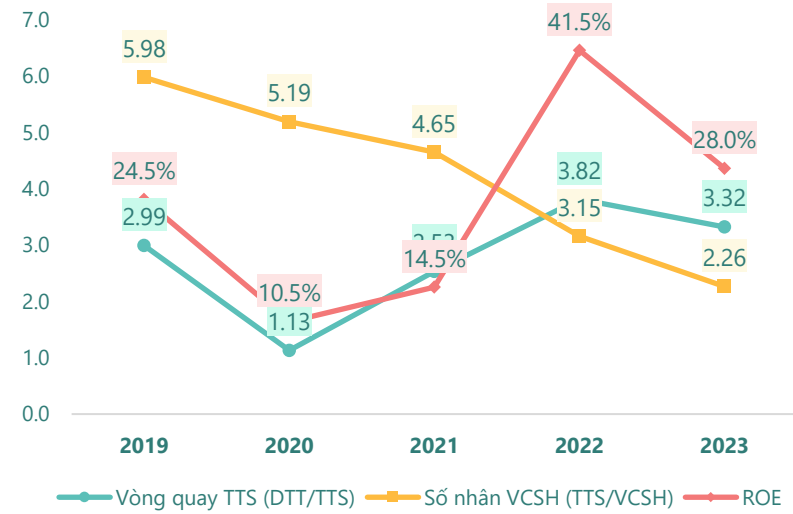
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



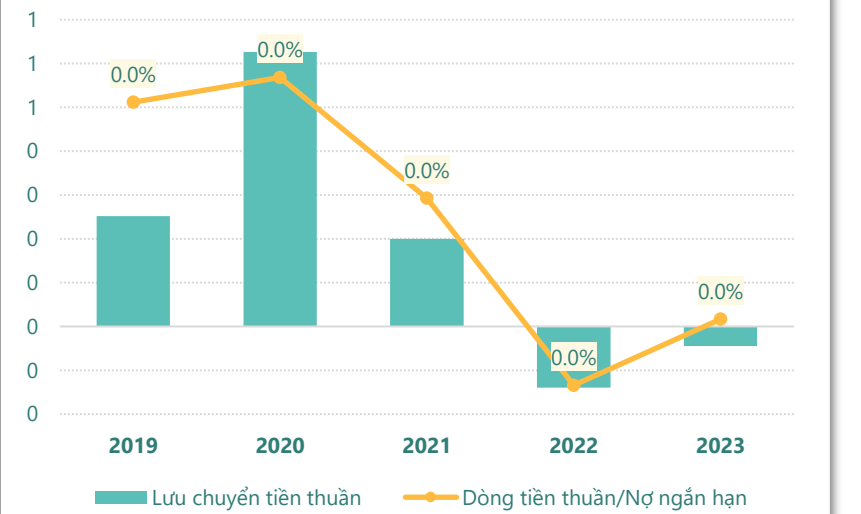
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,562	2,140	-27.0%	7,868	10,389	-24.3%
Giá vốn hàng bán	1,252	1,863	-32.8%	7,236	9,722	-25.6%
Lợi nhuận gộp	309	277	11.7%	632	667	-5.1%
Doanh thu HĐTC	1.35	1.15	17.0%	5.00	4.56	9.7%
Chi phí TC	4.65	5.32	-12.6%	20.5	26.9	-23.8%
Chi phí lãi vay	4.65	5.32	-12.6%	20.5	26.9	-23.8%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.58	1.33	94.1%	6.96	6.94	0.3%
Chi phí QLDN	77.7	74.5	4.3%	245	213	15.1%
LN thuần từ HĐKD	226	197	14.6%	365	425	-14.0%
Lợi nhuận khác	-0.21	14.4	-101%	2.34	23.8	-90.2%
LN trước thuế	226	211	6.9%	368	449	-18.0%
Lợi nhuận sau thuế	180	168	7.1%	293	358	-18.2%
LNST của CĐ cty mẹ	180	168	7.1%	293	358	-18.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.9	35.2	44.1	137	11.1	61.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-183	-21.4	-6.73	-90.3	-27.0	-33.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	170	-14.7	-36.7	-38.8	8.33	-28.7
Tiền đầu kỳ	0.89	1.63	0.69	1.33	8.96	1.37
Lưu chuyển tiền thuần	0.74	-0.94	0.65	7.62	-7.59	-0.73
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.63	0.69	1.33	8.96	1.37	0.64

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	2,365	2,370	-0.2%
Tài sản ngắn hạn	1,451	1,273	14.0%
Tiền và tương đương tiền	0.64	0.69	-6.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,017	970	4.9%
Hàng tồn kho	272	187	45.8%
Tài sản ngắn hạn khác	161	115	39.2%
Tài sản dài hạn	914	1,097	-16.6%
Phải thu dài hạn	177	154	15.0%
Tài sản cố định	610	811	-24.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	22.0	14.4	52.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	106	118	-10.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,256	1,388	-9.5%
Nợ ngắn hạn	1,071	1,189	-10.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	13.0	37.5	-65.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	716	-100%
Nợ dài hạn	185	198	-6.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	185	198	-6.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,109	982	12.9%
Vốn chủ sở hữu	1,109	982	12.9%
Vốn điều lệ	428	428	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

